

SỞ Y TẾ TỈNH ĐẮK NÔNG
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA TÂM AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số: 01 /VBCB-PKĐKTA

Đắk Song, ngày 28 tháng 02 năm 2024

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Đắk Nông.

Tên cơ sở công bố: Phòng khám đa khoa Tâm An;

Số giấy phép hoạt động đã được cấp: 000298/ĐNO-GPHĐ ngày 10/10/2023 do Sở Y tế tỉnh Đắk Nông cấp;

Địa chỉ: Thôn Đắk Kual - xã Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông;

Điện thoại: 0982077653; Email: tonghiep060190@gmail.com;

Công bố đủ điều kiện khám sức khỏe và gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau:

1. Bản sao hợp lệ giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế phê duyệt.
3. Danh sách nhân sự và thiết bị y tế bảo đảm thực hiện khám sức khỏe.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lưu: PKĐKTA.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH



TÔNG VĂN HIỆP

Số: 02 /DS-PKĐKTA

Đắk Song, ngày 28 tháng 02 năm 2024

DANH SÁCH
Nhân sự và trang thiết bị y tế để thực hiện khám sức khỏe

- Tên cơ sở công bố: Phòng khám đa khoa Tâm An;
- Địa chỉ: Thôn Đắk Kual - xã Đắk N'Drung - Đắk Song - Đắk Nông;
- Thời gian làm việc hằng ngày: 07 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút; từ Thứ 2, 3, 4, 5, 6, 7, CN (07 ngày) trong tuần;
- Danh sách người thực hiện:

TT	Họ và tên	Số chứng chỉ hành nghề/số giấy phép hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Vị trí chuyên môn
1	Tổng Văn Hiệp	001953/ĐNO-CCHN, ngày 25/4/2017	KCB đa khoa, KCB Nội khoa	Bác sĩ KCB đa khoa, KCB Nội khoa, Chủ cơ ở
2	Lê Hữu Tấn	000134/ĐNO-CCHN, ngày 16/10/2012	KCB Nội khoa	Bác sĩ KCB Nội khoa
3	Vi Thị Hoa	002909/ĐNO-CCHN, ngày 14/01/2021	KCB đa khoa	Bác sỹ KBCB đa khoa
4	Hoàng Nhật Rla Yang	001110/ĐNO-CCHN, ngày 04/9/2015	KCB Sản khoa, xét nghiệm	Bác sỹ KCB Sản khoa và xét nghiệm
5	Mai Văn Hiệp	002286/ĐNO-CCHN, ngày 05/9/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động CM của ĐD theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT/BYT-BNV	Cao đẳng Điều dưỡng
6	Lê Sỹ Oai	002646/ĐNO-CCHN, ngày 19/3/2020	Thực hiện phạm vi hoạt động CM theo quy định tại Điều 6 Thông tư 26/2015/TTLT/BYT-BNV	Cao đẳng Điều dưỡng
7	Bùi Lê Thanh Thảo	003241/ĐNO-CCHN, ngày 26/7/2022	KCB đa khoa	Bác sỹ KBCB đa khoa
8	Phạm Quốc Hoàn	000138/ĐNO-	KCB răng hàm mặt	Y sĩ KCB răng

		CCHN, ngày 16/10/2012		hàm mật
9	Nguyễn Thị Phương	003451/ĐNO-CCHN, ngày 06/02/2017	Thực hiện phạm vi hoạt động CM theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT/BYT-BNV	Cử nhân Điều dưỡng
10	Nguyễn Thị Thắm	003112/ĐNO-CCHN, ngày 15/3/2022	Thực hiện phạm vi hoạt động CM theo quy định tại Thông tư 26/2015/TTLT/BYT-BNV	Cử nhân Điều dưỡng
11	Trần Thị Diệp Sương	6303/CCHN-D-SYT-HCM, ngày 12/8/2020	Dược sỹ	Nhà thuốc PK
12	Y Ra	002076/ĐNO-CCHN, ngày 01/8/2017	KCB đa khoa	Bác sỹ KBCB đa khoa

5. Bản kê khai danh mục thiết bị y tế

TT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ
1	Máy siêu âm màu 4D	ACCUVIX V10	SAMSUNG MEDISON	HÀN QUỐC
2	Máy nội soi tai mũi họng	HJ-60	XUZHOU HENGJIA ELECTRONIC TECHNOLOGYCO., LTD	TRUNG QUỐC
3	Máy điện tim 6 cần	CADIOFAX5	NHONKOH DEN	JAPAN
4	Máy huyết học tự động 19 thông số	BC20S	MINDRAY	TRUNG QUỐC
5	Máy phân tích sinh hóa tự động	AS280	ELLAB	TRUNG QUỐC
6	Máy nước tiểu 10TS	BC400	CONTEC	TRUNG QUỐC
7	Cân có thước đo			TRUNG QUỐC
8	Huyết áp + ống nghe	ALPK3	Tanaka Sangyo	TRUNG QUỐC

9	Bảng kiểm tra thị lực			TRUNG QUỐC
10	Bàn khám phụ khoa, bộ dụng cụ khám phụ khoa		Việt Nam	VIỆT NAM
11	Que thử xét nghiệm định tính MET/THC/AMP/MOP, trong nước tiểu		ASSURE TECH	TRUNG QUỐC

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Lưu: PKĐKTA.

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**



TÓNG VĂN HIỆP

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG

SỞ Y TẾ

Số: **000298**/ĐNO - GP/HD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

- Căn cứ luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Dược Sở Y tế,

CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám, chữa bệnh: **Phòng khám đa khoa Tâm An**
Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Tổng Văn Hiệp**
Số chứng chỉ hành nghề: 001953/ĐNO-CC/HN, ngày cấp: 25/04/2017. Nơi cấp: **Sở Y tế Đắk Nông.**
Hình thức tổ chức: Phòng khám đa khoa.
Địa điểm hành nghề: Thôn Đắk Kual, xã Đắk N'Drưng, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.
Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt.
Thời gian làm việc hàng ngày: Thứ 2 đến Chủ nhật (07h00' đến 18h00').

Đắk Nông, ngày 10 tháng 10 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC


Trần Văn Hùng

**DANH MỤC KỸ THUẬT ĐƯỢC PHÊ DUYỆT THỰC HIỆN TẠI PHÒNG
KHÁM ĐA KHOA TÂM AN***(Kèm theo quyết định số 1118/QĐ-SYT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở Y tế)*

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
A. TUẦN HOÀN						
1.	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2.	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3.	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4.	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
B. HÔ HẤP						
5.	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
6.	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
7.	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
8.	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
9.	62	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	x	x	x
10.	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
11.	66	Đặt ống nội khí quản	x	x	x	



STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
12.	71	Mở khí quản cấp cứu	x	x	x	
13.	75	Chăm sóc ống nội khí quản (một lần)	x	x	x	
14.	76	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	
15.	85	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
16.	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
17.	87	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	x	x	x	
18.	88	Làm ẩm đường thở qua máy phun sương mù	x	x	x	
19.	128	Thông khí nhân tạo không xâm nhập ≤ 8 giờ	x	x	x	
20.	157	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
21.	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỢC MÁU				
22.	170	Bài niệu cưỡng bức ≤ 8 giờ	x	x	x	
		D. THẬN KINH				
23.	201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	x	x	
24.	211	Vận động trị liệu cho người bệnh bất động tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
25.	214	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HOÁ				
26.	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
27.	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
28.	224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (một lần)	x	x	x	x
29.	225	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay (một lần)	x	x	x	x
30.	228	Nuôi dưỡng người bệnh qua lỗ mở dạ dày (một lần)	x	x	x	x
31.	240	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	x	x	x	
		E. TOÀN THÂN				
32.	245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân điện tử	x	x	x	
33.	246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	x
34.	249	Giải stress cho người bệnh	x	x	x	
35.	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
36.	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
37.	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
38.	253	Lấy máu tĩnh mạch bệnh	x	x	x	x
39.	259	Rửa mắt tẩy độc	x	x	x	
40.	260	Chăm sóc mắt ở người bệnh hôn mê (một lần)	x	x	x	
41.	261	Vệ sinh răng miệng đặc biệt (một lần)	x	x	x	x
42.	262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
43.	263	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x

CL
-

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
44.	264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
45.	265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
46.	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
47.	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
48.	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	
49.	269	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn	x	x	x	x
50.	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
51.	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
52.	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
53.	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
54.	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
55.	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
		G. XÉT NGHIỆM				
56.	281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	x	x	x
57.	282	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
58.	283	Lấy máu các động mạch khác xét nghiệm	x	x	x	
59.	285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	x	x	x	x
II. NỘI KHOA						
A. HÔ HẤP						

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
60.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
61.	2	Bơm rửa khoang màng phổi	x	x	x	
62.	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
63.	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
64.	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
65.	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x
66.	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x
67.	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
68.	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x	
69.	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
70.	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
71.	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
72.	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
73.	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
74.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
75.	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
76.	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
77.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
78.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
79.	64	Sinh thiết màng phổi mù	x	x	x	
80.	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
81.	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
82.	85	Điện tim thường	x	x	x	x
83.	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
84.	96	Holter huyết áp	x	x	x	
85.	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	

4/2

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
86.	111	Nghiệm pháp atropin	x	x	x	
87.	112	Siêu âm Doppler mạch máu	x	x	x	
88.	113	Siêu âm Doppler tim	x	x	x	
89.	119	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
		C. THẦN KINH				
90.	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
91.	129	Chọc dò dịch não tủy	x	x	x	
92.	145	Ghi điện não thường quy	x	x	x	
93.	149	Gội đầu cho người bệnh trong các bệnh thần kinh tại giường	x	x	x	
94.	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
95.	151	Lấy máu tĩnh mạch bẹn	x	x	x	
96.	158	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc	x	x	x	
97.	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
98.	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
99.	165	Vệ sinh răng miệng bệnh nhân thần kinh tại giường	x	x	x	
100.	166	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
101.	167	Chăm sóc sonde dẫn lưu bể thận qua da/lần	x	x	x	
102.	168	Chăm sóc sonde dẫn lưu tụ dịch- máu quanh thận/lần	x	x	x	
103.	170	Chăm sóc và bảo quản catheter tĩnh mạch trung tâm trong lọc máu	x	x	x	
104.	171	Chăm sóc và bảo quản catheter đường hầm có cuff để lọc máu	x	x	x	
105.	172	Chăm sóc ống dẫn lưu bể thận qua da 24 giờ	x	x	x	
106.	177	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	x	x	x	
107.	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
108.	195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
109.	241	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng tràng (một lần)	x	x	x	x

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
60.	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
61.	2	Bơm rửa khoang màng phổi	x	x	x	
62.	4	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	x	x	x	x
63.	7	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
64.	8	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
65.	9	Chọc dò dịch màng phổi	x	x	x	x
66.	10	Chọc tháo dịch màng phổi	x	x	x	x
67.	11	Chọc hút khí màng phổi	x	x	x	
68.	16	Đặt ống dẫn lưu khoang MP	x	x	x	
69.	24	Đo chức năng hô hấp	x	x	x	x
70.	28	Kỹ thuật ho có điều khiển	x	x	x	x
71.	29	Kỹ thuật tập thở cơ hoành	x	x	x	x
72.	30	Kỹ thuật ho khắc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
73.	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
74.	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
75.	33	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm	x	x	x	
76.	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
77.	61	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	x	x	x	
78.	63	Siêu âm màng phổi cấp cứu	x	x	x	
79.	64	Sinh thiết màng phổi mù	x	x	x	
80.	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
81.	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
82.	85	Điện tim thường	x	x	x	x
83.	95	Holter điện tâm đồ	x	x	x	
84.	96	Holter huyết áp	x	x	x	
85.	97	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc	x	x	x	

4/6

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
110.	244	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
111.	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
112.	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
113.	314	Siêu âm ổ bụng	x	x	x	x
114.	336	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	x	x	x	x
115.	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
116.	338	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	x	x	x	x
117.	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
E. CƠ XƯƠNG KHỚP						
118.	349	Hút dịch khớp gối	x	x	x	
119.	361	Hút nang bao hoạt dịch	x	x	x	
120.	381	Tiêm khớp gối	x	x		
121.	383	Tiêm khớp cổ chân	x	x		
122.	384	Tiêm khớp bàn ngón chân	x	x		
123.	385	Tiêm khớp cổ tay	x	x		
124.	386	Tiêm khớp bàn ngón tay	x	x		
125.	387	Tiêm khớp đốt ngón tay	x	x		
126.	388	Tiêm khớp khuỷu tay	x	x		
127.	389	Tiêm khớp vai	x	x		
128.	390	Tiêm khớp ức đòn	x	x		
129.	391	Tiêm khớp ức - sườn	x	x		
130.	392	Tiêm khớp đòn- cùng vai	x	x		
III. NHI KHOA						
I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC						
A. TUẦN HOÀN						
131.	46	Theo dõi huyết áp liên tục tại giường	x	x	x	
132.	51	Ép tim ngoài lồng ngực	x	x	x	x
B. HÔ HẤP						
133.	89	Khí dung thuốc cấp cứu	x	x	x	

✓
✓

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
134.	93	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	
135.	105	Thổi ngạt	x	x	x	x
136.	106	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
137.	107	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)	x	x	x	x
138.	112	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	x	x	x	x
139.	113	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp	x	x	x	x
		C. THẬN – LỢC MÁU				
140.	133	Thông tiểu	x	x	x	x
141.	134	Hồi sức chống sốc	x	x	x	x
		D. THẦN KINH				
142.	137	Xử trí tăng áp lực nội sọ	x	x	x	
143.	151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
144.	178	Đặt sonde hậu môn	x	x	x	x
145.	179	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
146.	187	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
147.	190	Lấy máu động mạch quay làm xét nghiệm khí máu	x	x	x	
148.	191	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	x	x	x	
149.	192	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng	x	x	x	
150.	194	Tắm cho người bệnh tại giường	x	x	x	x
151.	195	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
152.	196	Gội đầu cho người bệnh tại gi-ường	x	x	x	x
153.	197	Gội đầu tẩy độc cho người bệnh	x	x	x	x
154.	200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
155.	201	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
156.	202	Băng bó vết thương	x	x	x	x
157.	203	Cầm máu (vết thương chảy máu)	x	x	x	x
158.	206	Định nhóm máu tại giường	x	x	x	x

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
159.	210	Tiêm truyền thuốc	X	X	X	X
		II. TÂM THẦN				
160.	264	Tư vấn tâm lí cho người bệnh và gia đình	X	X	X	
161.	266	Liệu pháp giải thích hợp lý	X	X	X	
162.	268	Cấp cứu người bệnh tự sát	X	X	X	X
163.	269	Xử trí dị ứng thuốc hướng thần	X	X	X	X
164.	270	Test nhanh phát hiện chất opiats trong nước tiểu	X	X	X	X
		IX. MẮT				
165.	1703	Cắt chỉ khâu da	X	X	X	X
166.	1704	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	X	X	X	X
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		B. HÀM MẶT				
167.	2076	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt	X	X	X	
168.	2077	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt	X	X	X	X
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
169.	2125	Lấy dáy tai (nút biểu bì)	X	X	X	X
		B. MŨI XOANG				
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
170.	2189	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp	X	X	X	
171.	2191	Khí dung mũi họng	X	X	X	X
		D. CỔ - MẶT				
		XIII. NỘI KHOA				
		C. TIÊU HÓA				
172.	2357	Thụt tháo phân	X	X	X	X
173.	2358	Đặt sonde hậu môn	X	X	X	X
		G. TRUYỀN NHIỄM				
174.	2386	Lấy bệnh phẩm trực tràng để chẩn đoán các bệnh nhiễm trùng	X	X	X	
		H. CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
175.	2387	Tiêm trong da	X	X	X	X
176.	2388	Tiêm dưới da	X	X	X	X
177.	2389	Tiêm bắp thịt	X	X	X	X

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
178.	2390	Tiêm tĩnh mạch	x	x	x	x
179.	2391	Truyền tĩnh mạch	x	x	x	x
D. TIẾT NIỆU – SINH DỤC						
180.	3909	Chích rạch áp xe nhỏ	x	x	x	x
181.	3911	Thay băng, cắt chỉ	x	x	x	x
X. NGOẠI KHOA						
182.	410	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
183.	411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x
184.	412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x
XIII. PHỤ SẢN						
A. SẢN KHOA						
185.	23	Theo dõi nhịp tim thai và con co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x	
186.	30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
187.	32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
188.	34	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x
189.	37	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x
190.	38	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x
191.	40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
192.	41	Khám thai	x	x	x	x
193.	49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x	
194.	50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	
195.	54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
B. PHỤ KHOA						
196.	144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
197.	147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
198.	148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
199.	149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
200.	153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
201.	155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x	

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
202.	157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	
203.	163	Chích áp xe vú	x	x	x	
204.	165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
205.	166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
206.	167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
		Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
207.	225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
208.	226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
209.	228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
		E. PHÁ THAI				
210.	239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
211.	240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
212.	241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x
XVIII. PHỤC HỒI CHỨC NĂNG – Y HỌC CỔ TRUYỀN						
213.	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
214.	31	Tập nằm đúng tư thế cho người bệnh liệt nửa người	x	x	x	x
215.	40	Tập dáng đi	x	x	x	x
216.	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
217.	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
218.	19	Xông thuốc bằng máy	x	x	x	
219.	20	Xông hơi thuốc	x	x	x	x
220.	21	Xông khói thuốc	x	x	x	x
221.	22	Sắc thuốc thang	x	x	x	x
222.	26	Bó thuốc	x	x	x	x
223.	27	Chườm ngải	x	x	x	x
224.	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
225.	241	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
226.	242	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
227.	243	Cây chỉ điều trị mất ngủ	x	x	x	
228.	246	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
229.	249	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
230.	251	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	
231.	265	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	
232.	266	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
233.	267	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
234.	268	Cây chỉ điều trị đau lưng	x	x	x	
235.	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
236.	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
237.	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
238.	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
239.	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
240.	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
241.	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
242.	322	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	x	x	x	x
243.	323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
244.	324	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
245.	325	Thủy châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
246.	8	Điều trị bằng siêu âm	x	x	x	
247.	11	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	x
248.	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
249.	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
250.	52	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
251.	53	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
252.	54	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
253.	55	Tập vận động tự do tứ chi	x	x	x	x

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
254.	56	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
255.	57	Tập kéo dẫn	x	x	x	x
256.	58	Tập vận động trên bóng	x	x	x	
257.	141	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	x	x	x	x
258.	142	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	x	x	x	x
259.	143	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	x	x	x	x
260.	144	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	x	x	x	x
261.	145	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	x	x	x	x
262.	146	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	x	x	x	x
263.	147	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực- thắt lưng TLSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
264.	148	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (<i>điều trị cong vẹo cột sống</i>)	x	x	x	x
265.	149	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	x	x	x	x
266.	150	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	x	x	x	x
267.	151	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	x	x	x	x
268.	152	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	x	x	x	x
269.	153	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	x	x	x	x
270.	154	Kỹ thuật sử dụng giày dép cho người bệnh phong	x	x	x	x
271.	155	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng cứng	x	x	x	x
272.	156	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp cột sống thắt lưng mềm	x	x	x	x
XVIII. ĐIỆN QUANG						
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu cổ				
273.	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
274.	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
		3. Siêu âm ổ bụng				
275.	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	
276.	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	

dt

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
277.	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
278.	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
		4. Siêu âm Sản phụ khoa				
279.	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
280.	31	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	x	x	x	
281.	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
282.	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
283.	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU						
A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU						
284.	1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	x	x	x	
285.	8	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động	x	x	x	
286.	19	Thời gian máu chảy phương pháp Duke (t gian máu chảy)	x	x	x	x
287.	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
288.	21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)	x	x	x	x
289.	22	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
290.	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
C. TẾ BÀO HỌC						
291.	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
292.	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng laser)	x	x	x	
293.	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
294.	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
295.	125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	x	x	x	
296.	134	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
297.	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
298.	139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)	x	x	x	
299.	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
300.	143	Máu lắng (bằng máy tự động)	x	x	x	
301.	151	Cận Addis	x	x	x	
XXIII. HÓA SINH						
		A. MÁU				
302.	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
303.	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
304.	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
305.	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
306.	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
307.	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
308.	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
309.	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
310.	29	Định lượng Calci toàn phần	x	x	x	
311.	30	Định lượng Calci ion hóa	x	x	x	
312.	40	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE)	x	x	x	
313.	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
314.	50	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity)	x	x	x	
315.	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
316.	58	Điện giải đồ (Na, K, Cl)	x	x	x	
317.	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
318.	76	Định lượng Globulin	x	x	x	
319.	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
320.	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
321.	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	x	x	x	
322.	133	Định lượng Protein toàn phần	x	x	x	
323.	143	Định lượng Sắt	x	x	x	
324.	158	Định lượng Triglycerid	x	x	x	
325.	166	Định lượng Urê	x	x	x	

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
		B. NƯỚC TIỂU				
326.	172	Điện giải niệu (Na, K, Cl)	x	x	x	
327.	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	x	x	x
328.	174	Định lượng Amphetamine	x	x	x	
329.	175	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
330.	176	Định lượng Axit Uric	x	x	x	
331.	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	x	x	x	x
332.	180	Định lượng Canxi	x	x	x	
333.	184	Định lượng Creatinin	x	x	x	
334.	185	Định lượng Dưỡng chấp	x	x	x	
335.	186	Định tính Dưỡng chấp	x	x	x	
336.	187	Định lượng Glucose	x	x	x	
337.	188	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh)	x	x	x	x
338.	193	Định tính Opiate (test nhanh)	x	x	x	x
339.	194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	x	x	x
340.	195	Định tính Codein (test nhanh)	x	x	x	x
341.	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	x
342.	205	Định lượng Ure	x	x	x	
343.	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	x	x	x	x
XXIV. VI SINH						
		A. VI KHUẨN				
		B. VIRUS				
344.	108	Vi rus test nhanh	x	x	x	x
345.	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
346.	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
347.	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
348.	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
349.	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
350.	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x

STT	TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
351.	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x
352.	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x
353.	174	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	x	x	x	
		4. Dengue virus				
354.	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
355.	184	Dengue virus NS1Ag/IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
356.	185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x
357.	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		6. Enterovirus				
358.	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	
XXVIII. TẠO HÌNH - THẨM MỸ						
		A. TẠO HÌNH VÙNG ĐẦU - MẶT - CỔ				
		1. Vùng xương sọ- da đầu				
359.	1	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc	x	x	x	x
360.	2	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán	x	x	x	x
		2. Vùng mi mắt				
361.	33	Xử lý vết thương phần mềm nông vùng mi mắt	x	x	x	x
		5. Vùng tai				
362.	136	Phẫu thuật khâu vết rách đơn giản vành tai	x	x	x	x
363.	137	Khâu cắt lọc vết thương vành tai	x	x	x	x
		6. Vùng hàm mặt cổ				
364.	161	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	x	x	x	x
365.	162	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	x	x	x	x
366.	163	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	x	x	x	x

